|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ** **AN NHƠN TÂY** | **ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KỲ II****NĂM HỌC 2023-2024****MÔN: TOÁN - LỚP 7**Thời gian: 90 phút  |

 |  |

|  |
| --- |
| **Câu 1: (2,0 điểm)**  |
| a) (1,0 điểm) Tìm x, y; biết: $\frac{x}{3}=\frac{y}{4}$ và x + y = 21 |
| b) (1,0 điểm) Rút gọn và xác định bậc của đa thức sau: 6x2.(- 2x3)2. |
| **Câu 2: (1,0 điểm)** Cho biết 2 học sinh cùng quét sân trường xong trong 3 giờ. Hỏi 12 học sinh (cùng năng suất quét như thế) quét xong sân trường trong bao nhiêu giờ? |
| **Câu 3: (2,0 điểm)**  |
| a) **(1,0 điểm)** Tính giá trị của biểu thức A = 5x2 + 4x – 1. Tính giá trị của biểu thức tại x = - 1. |
| b) **(0,5 điểm)** Rút gọn B = (2x2 + 6x -2) + (3x3 – 2x2 +6) |
| c) **(0,5 điểm)** Rút gọn C= (x - 3).(x + 2) |
| **Câu 4: (1,0 điểm)** Cho $∆$MNK biết $\hat{M}=90^{O}$, $\hat{N}=40^{O}$. So sánh độ dài các cạnh của $∆$MNK. |
| **Câu 5: (2,0 điểm)** |
| a) **(1,0 điểm)** Một cái hộp có 3 quả bóng màu xanh và 1 quả bóng màu đỏ. Lấy ra ngẫu nhiên cùng một lúc 2 quả bóng từ hộp. Trong các biến cố sau, chỉ ra biến cố nào là chắc chắn, biến cố nào là không thể, biến cố nào là ngẫu nhiên.**A.** “Hai quả bóng lấy ra đều có màu đỏ”.**B.** “Hai quả bóng lấy ra đều có màu xanh”.**C.** “Có ít nhất một quả bóng màu xanh trong hai quả bóng được lấy ra”.**D.** “Có ít nhất một quả bóng màu đỏ trong hai quả bóng được lấy ra”. |
| b) **(1,0 điểm)** Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối.+ Gọi A là biến cố “Gieo được mặt 1 chấm”. Hãy tính xác suất của biến cố A.+ Gọi B là biến cố “Gieo ra được mặt có hơn 6 chấm”. Hãy tính xác suất của biến cố B. |
| **Câu 6: (2,0 điểm)** Cho $∆$ABC biết AB=AC, H là trung điểm của BC.a) Chứng minh $∆$ABH=$∆$ACH |
| b) Từ H hạ đường vuông góc với AB và AC, cắt AB và AC tại M và N. Chứng minh $∆$AMN cân tại A. |

**Hết.**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1****(2,0 điểm)** |  |  |
| a(1,0 điểm) | - Tìm được k- Tìm được x, y | 0,50,25.2 |
| b(1,0 điểm) | - Rút gọn- Tìm bậc | 0,50,5 |
| **Câu 2****(1,0 điểm)** | - Lập được biểu thức- Tìm được kết quả | 0,50,5 |
| **Câu 3****(2,0 điểm)** |  |  |
| a(1,0 điểm) | - Thay vào đúng- Tính đúng kết quả | 0,50,5 |
| b(0,5 điểm) | - Rút gọn đúng  | 0,5 |
| c(0,5 điểm) | - Thực hiện đúng phép nhân phân phối phép cộng.- Rút gọn | 0,250,5 |
| **Câu 4****(1,0 điểm)** | - Tính được số đo góc- so sánh góc rồi suy ra được so sánh cạnh | 0,50,5 |
| **Câu 5****(2,0 điểm)** |  |  |
| a(1,0 điểm) | - Mỗi nội dung đúng đạt 0,25 điểm | 0,25.4 |
| b(1,0 điểm) | - Một nội dung đúng đạt 0,5 điểm | 0,5.2 |
| **Câu 6****(2,0 điểm)** |   |  |
| a)(1,0 điểm) | - Vẽ hình đúng.- Chứng minh được hai tam giác bằng nhau | 0,250,75 |
| b)(1,0 điểm) | - Từ $∆$ABH=$∆$ACH suy ra $\hat{BAH}$= $\hat{CAH}$ - Chứng minh $∆$AHM=$∆$AHN- AM=AN suy ra $∆$AMN cân tại A | 0,250,50,25 |

Hết.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng%****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1** | **Các đại lượng tỉ lệ.** | Tỉ lệ thức – Dãy tỉ số bằng nhau. |  |  | Bài 1a(1đ) |  | 2 |
| Đại lượng tỉ lệ nghịch  |  |  | Bài 2 (1đ) |  |
| **2** | **Biểu thức đại số** | Biểu thức đại số |  |  | Bài 3a(1đ) |  | 3 |
| Đa thức một biến |  | Bài 1b(1đ) |  |  |
| Phép cộng và trừ đa thức một biến. |  |  | Bài 3b(0,5đ) |  |
| Phép nhân và chia đa thức một biến. |  |  | Bài 3c(0,5đ) |  |
| **3** | **Một số yếu tố xác suất** | Biến cố ngẫu nhiên.Xác suất của biến cố ngẫu nhiên. | Bài 5a(1đ) | Bài 5a(1đ) |  |  | 2 |
| **4** | **Các hình hình học cơ bản** | Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học |  |  |  | Bài 4(1đ) | 3 |
| Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác |  | Bài 6a(1đ) | Bài 6b(1đ) |  |
| **Tổng điểm** | **1** | **3** | **5** | **1** | 10 |
| **Tỉ lệ %** | **10%** | **30%** | **50%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **40%** | **60%** | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Các đại lượng tỉ lệ.** | Tỉ lệ thức – Dãy tỉ số bằng nhau. | ***Vận dụng:***– Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán tìm x, y. |  |  | Bài 1a(1đ) |  |
| Đại lượng tỉ lệ nghịch  | ***Vận dụng:***– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (Bài toán thực tế) |  |  | Bài 2 (1đ) |  |
| **2** | **Biểu thức đại số** | Biểu thức đại số | ***Vận dụng:***– Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |  |  | Bài 3a(1đ) |  |
| Đa thức một biến | ***Thông hiểu:***- Vận dụng công thức lũy thừa của lũy thừa và nhân hai đơn thức để rút gọn đơn thức.– Xác định được bậc của đa thức một biến. |  | Bài 1b(1đ) |  |  |
| Phép cộng và trừ đa thức một biến. | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính: + Phép cộng, trừ đa thức một biến.+ Công, trừ đơn thức một biến.+ Nhân đa thức một biến với đa thức một biến.+ Vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |  |  | Bài 3b(0,5đ) |  |
| Phép nhân và chia đa thức một biến. |  |  | Bài 3c(0,5đ) |  |
| **3** | **Một số yếu tố xác suất** | Biến cố ngẫu nhiên.Xác suất của biến cố ngẫu nhiên. | ***Nhận biết:***–Xác định được biến cố ngẫu nhiên, chắc chắn, không thể.***Thông hiểu:***– Tính được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên  | Bài 5a(1đ) | Bài 5a(1đ) |  |  |
| **4** | **Các hình hình học cơ bản** | Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học | ***Vận dụng cao:*** – Vận dụng được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180o.– Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).- So sánh các cạnh của của tam giác. |  |  |  | Bài 4(1đ) |
| Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác | ***Thông hiểu:***– Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.– Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân; hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau.***Vận dụng:***– Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản; lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác cân. |  | Bài 6a(1đ) | Bài 6b(1đ) |  |
| **Tổng số câu** | **1** | **3** | **5** | **1** |
| **Tỉ lệ %** | **10%** | **30%** | **50%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **40%** | **60%** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com